TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 7- 2026.
V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Tiến Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Thủy.

Bà Trần Thị Kim Hảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hà Ngọc Ánh– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 333/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 19xx. Số CCCD: 033173xxxx29.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 19xx. Số CCCD: 015075xxxx61.
Địa chỉ: Thôn V, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt- Không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2026, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25-11-1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu về nhà hành hạ, đánh đập vợ con, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần xong không thành. Vợ chồng đã sống ly

thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/01/19xx và Nguyễn Thị X, sinh 07/12/200xx. Hiện hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị H đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2026 thể hiện: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ thường xuyên uống rượu về nhà hành hạ, đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/01/19xx và Nguyễn Thị X, sinh 07/12/20xx. Hiện hai con đều đã trưởng thành, đều có khả năng lao động

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tuy nhiên anh Đ không có mặt tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

+ Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn V, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 30-6-2026 anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 21-7-2026) anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:***

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng anh Đ không hợp tác thể hiện anh Đ không có ý muốn đoàn tụ. Chị H đã được Tòa án phân tích, động viên nhưng chị H cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn Đ là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3]. ***Về con chung:***

Hai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/01/19xx và Nguyễn Thị X, sinh 07/12/20xx. Hiện hai con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. ***Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:***

Chị H đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến gì do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. ***Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:***

Chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:***

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7]. ***Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa:***

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/26E số: 0001879 ngày 14-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND khu vực 4-Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Hội- Lào Cai;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Tiến Phúc